

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG
NƯỚC SÀI GÒN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Số: 53 /2023/SGW

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

V/v: Công bố Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Địa chỉ trụ sở: 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP.HCM

Điện thoại: 028 62918483 Fax: 028 62918489

Website: www.saigonwater.com.vn

Mã chứng khoán: **SII**

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2022.

Mọi thông tin chi tiết xin xem thêm Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2022 được ban hành ngày 27/03/2023 đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/03/2023 tại website <https://saigonwater.com.vn>.

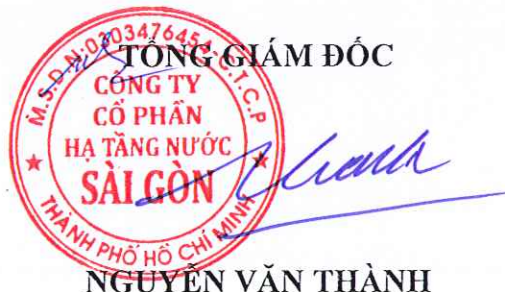
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố và hồ sơ đính kèm.

Trân trọng.

Nơi gửi:

- Như trên;

- Lưu VT.


TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HẠ TẦNG NƯỚC
SÀI GÒN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
NGUYỄN VĂN THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Đức Vũ	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2022)
Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2022)
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2022)
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2022)
Ông Lều Mạnh Huy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2022)
Bà Phan Thùy Giang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2022)
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Melvin John Mondejar Tan	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)
Ông Laurence Rentuza	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)
Bà Karoline Constanino Sangalang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)
Ông Trần Thái Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Giao	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Alvin Sua Evangelista	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Bà Võ Hoàng Kiều Oanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông John Walter E.Tendencia	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lều Mạnh Huy	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 10 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính
Ông Châu Ngọc Trọng	Giám đốc Kỹ thuật (miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Thành - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Số: 1651/2023/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2023, từ trang 5 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

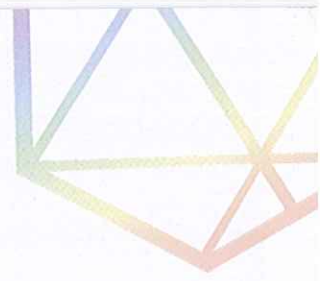
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 359.492.426.198 đồng. Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2022 phát sinh khoản lỗ với số tiền là 110.639.248.196 đồng (năm 2021 lỗ 83.170.267.075 đồng) và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm âm 43.059.949.797 đồng (năm 2021 âm 63.448.356.085 đồng). Khả năng thanh toán của Công ty trong 12 tháng tới phụ thuộc vào việc Công ty có thể thu hồi được các khoản công nợ, các khoản lợi nhuận từ đầu tư vốn và cơ cấu lại lịch trả nợ vay. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số II, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Lương Xuân Trường
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1741-2023-072-1

Phạm Thị Toan
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2767-2019-072-1

Thay mặt và đại diện cho
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
CHI NHÁNH SÀI GÒN**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

1-00
TY
H
QUỐ
IÁN
ÒN
101

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

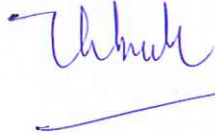
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		84.843.614.325	129.270.642.564
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.504.417.021	38.221.090.353
1. Tiền	111	V.1	2.504.417.021	38.221.090.353
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.233.398.106	65.081.924.831
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	11.410.205.155	9.172.148.844
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		138.761.958	-
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	107.636.914.746	94.861.088.338
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.362.953.442	329.343.184
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(67.315.437.195)	(39.280.655.535)
III. Hàng tồn kho	140	V.6	8.846.457.980	5.959.680.228
1. Hàng tồn kho	141		8.846.457.980	5.959.680.228
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.259.341.218	20.007.947.152
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	218.054.771	244.481.017
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.358.316.489	10.080.496.177
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	9.682.969.958	9.682.969.958
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.476.723.690.666	2.547.176.204.084
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		105.000.000	105.000.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		100.000.000	100.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	5.000.000	5.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.435.969.477.893	1.506.040.767.965
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.434.614.491.109	1.504.478.537.424
- Nguyên giá	222		1.815.366.104.811	1.819.790.962.525
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(380.751.613.702)	(315.312.425.101)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.354.986.784	1.562.230.541
- Nguyên giá	228		2.065.354.180	2.065.354.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(710.367.396)	(503.123.639)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		983.498.397	238.905.197
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	983.498.397	238.905.197
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	1.032.713.183.611	1.032.713.183.611
1. Đầu tư vào công ty con	251		769.900.000.000	819.400.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		183.359.788.611	139.259.788.611
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		143.153.395.000	143.153.395.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(63.700.000.000)	(69.100.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.952.530.765	8.078.347.311
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	322.914.183	1.411.916.040
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.12	6.629.616.582	6.666.431.271
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.561.567.304.991	2.676.446.846.648

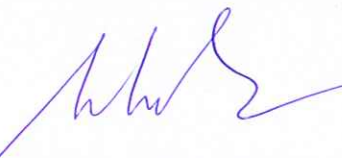


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022


Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.766.553.646.535	1.770.793.939.996
I. Nợ ngắn hạn	310		444.336.040.523	420.576.333.984
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	33.313.494.529	29.278.149.355
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		149.551.499	125.276.626
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	228.248.722	71.720.592
4. Phải trả người lao động	314		1.365.458.481	1.224.108.483
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	9.216.490.184	16.934.055.956
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	40.779.515.380	6.795.984.431
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	359.283.281.728	365.952.184.611
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	194.853.930
II. Nợ dài hạn	330		1.322.217.606.012	1.350.217.606.012
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	850.000.000.000	850.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	472.217.606.012	500.217.606.012
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.18	795.013.658.456	905.652.906.652
I. Vốn chủ sở hữu	410		795.013.658.456	905.652.906.652
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		645.221.040.000	645.221.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		645.221.040.000	645.221.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		161.811.551.600	161.811.551.600
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.623.462.173	16.623.462.173
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(28.642.395.317)	81.996.852.879
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		81.996.852.879	165.167.119.954
- Lỗ sau thuế năm nay	421b		(110.639.248.196)	(83.170.267.075)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.561.567.304.991	2.676.446.846.648


 Nguyễn Thị Thanh Bình
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Hồng Hạnh
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Văn Thành
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

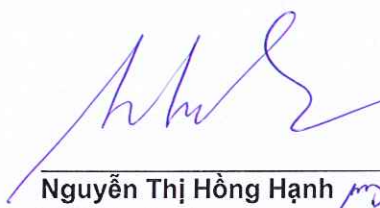
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2022	2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	110.216.853.300	92.624.546.686
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		110.216.853.300	92.624.546.686
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	146.235.230.383	135.048.899.033
5. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(36.018.377.083)	(42.424.352.347)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	57.218.282.016	79.984.702.554
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	82.496.989.673	88.290.597.636
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		82.145.482.673	82.903.054.480
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	12.327.549.357	9.902.957.549
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	37.046.520.079	21.528.842.900
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		(110.671.154.176)	(82.162.047.878)
11. Thu nhập khác	31		38.940.980	33.271.393
12. Chi phí khác	32		7.035.000	1.041.490.590
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		31.905.980	(1.008.219.197)
14. Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(110.639.248.196)	(83.170.267.075)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(110.639.248.196)	(83.170.267.075)



Nguyễn Thị Thanh Bình
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2022		2021	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lỗi kế toán trước thuế	01	(110.639.248.196)		(83.170.267.075)	
2. Điều chỉnh cho các khoản					
Khấu hao tài sản cố định	02	67.580.998.224		67.179.710.717	
Các khoản dự phòng	03	28.034.781.660		20.288.036.415	
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(56.827.772.303)		(79.555.144.913)	
Chi phí lãi vay	06	82.145.482.673		83.662.354.480	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.294.242.058		8.404.689.624	
Tăng các khoản phải thu	09	(988.248.839)		(373.923.760)	
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	4.452.358.352		(393.468.708)	
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.566.476.683)		1.156.970.511	
Giảm chi phí trả trước	12	1.115.428.103		1.681.831.314	
Tiền lãi vay đã trả	14	(56.172.398.858)		(72.473.455.066)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(194.853.930)		(1.451.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(43.059.949.797)		(63.448.356.085)	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.839.766.547)		(5.749.969.328)	
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.410.000.000)		(23.000.000.000)	
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-		35.751.750.888	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	53.261.945.895		97.588.902.429	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	42.012.179.348		104.590.683.989	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền thu từ đi vay	33	128.985.171.660		177.389.622.486	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(163.654.074.543)		(182.137.437.875)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(34.668.902.883)		(4.747.815.389)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(35.716.673.332)		36.394.512.515	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	38.221.090.353		1.826.577.838	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	2.504.417.021		38.221.090.353	



Nguyễn Thị Thanh Bình
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303476454 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2004 và thay đổi lần thứ 19 ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 645.221.040.000 đồng, được chia thành 64.522.104 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CII") với tỷ lệ sở hữu là 50,62%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Sai Gon Water Infrastructure Corporation, tên viết tắt là: SaiGon Water.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SII.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 118 người (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 122 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xử lý và cung cấp nước sạch.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước; hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính); hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy móc khác.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là vận hành hệ thống mạng lưới cung cấp nước sạch, đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngành nước sinh hoạt.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm có liên quan đến Báo cáo tài chính riêng

Ngày 1 tháng 4 năm 2022, Công ty đã ký Biên bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng hợp đồng hỗ trợ vốn số 01/2022/BBTT-HTV/CII-TD-SII với Công ty CII và Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam (Công ty T&D). Theo đó, Công ty T&D đồng ý mua lại khoản nợ và lãi vay mà Công ty phải trả Công ty CII phát sinh từ Hợp đồng hỗ trợ vốn số 10/2019/HĐ-CII ngày 22 tháng 5 năm 2019 và các Phụ lục hợp đồng đính kèm với tổng giá trị là 289.477.701.632 đồng tại ngày ký biên bản thỏa thuận. Công ty đã kết chuyển nợ gốc và lãi vay phải trả Công ty CII sang phải trả Công ty T&D theo biên bản xác nhận công nợ ba bên ký ngày 1 tháng 4 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. THÔNG TIN KHAI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào các công ty sau:

Tên công ty	31/12/2022		01/01/2022		Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích		
Công ty con						
1. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%	Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%	Tỉnh Lâm Đồng	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	85,00%	85,00%	85,00%	85,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
4. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	50,98%	50,98%	50,98%	50,98%	Tp. Hồ Chí Minh	Vận hành mạng lưới cung cấp nước sạch
5. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn kỹ thuật
Công ty liên kết						
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	43,00%	43,00%	43,00%	43,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%	Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku (i)	49,00%	49,00%	55,00%	55,00%	Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

(i) Ngày 22 tháng 2 năm 2022, Công ty đã thoái vốn một phần trong Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku, tỷ lệ sở hữu giảm từ 55% xuống còn 49%, Công ty Pleiku trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 359.492.426.198 đồng. Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2022 phát sinh khoản lỗ với số tiền là 110.639.248.196 đồng (năm 2021 lỗ 83.170.267.075 đồng) và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm âm 43.059.949.797 đồng (năm 2021 âm 63.448.356.085 đồng). Khả năng thanh toán của Công ty trong 12 tháng tới phụ thuộc vào việc Công ty có thể thu hồi được các khoản công nợ, các khoản lợi nhuận từ đầu tư vốn và cơ cấu lại lịch trả nợ vay. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc Công ty liên quan đến các vấn đề này như sau:

- Đối với dự án Củ Chi: Tăng số lượng khách hàng khối sản xuất nhằm tăng sản lượng nước bán ra và tăng giá bán bình quân. Công ty tiếp tục làm việc với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các sở ban ngành, ban quản lý các khu công nghiệp trên địa bàn để thúc đẩy việc sử dụng nước mặt do Công ty cung cấp. Tăng cường các biện pháp giảm thất thoát nước phấn đấu tỷ lệ thất thoát còn 15%, kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động, phấn đấu đạt sản lượng bình quân trên 36.000 m³/ngày trong năm 2023.
- Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm cơ hội thoái vốn tại các công ty nước BOO Thủ Đức, Sài Gòn An Khê và Sài Gòn Pleiku.
- Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc khoản vay đầu tư Dự án Củ Chi tại Vietinbank. Theo đó, Công ty dự kiến được giãn thời hạn trả nợ gốc đến năm Quý 1 năm 2031, đồng thời chỉ phải thanh toán 70% chi phí lãi vay phát sinh từ Quý 1 năm 2023 đến Quý 4 năm 2027, số lãi vay còn lại sẽ được trả dần từ Quý 1 năm 2028 đến Quý 1 năm 2031. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục sử dụng hạn mức vay vốn lưu động 25 tỷ đồng để trang trải các chi phí hoạt động.
- Trong 12 tháng tới, Công ty dự kiến sẽ nhận được cổ tức bằng tiền từ Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp (72,24 tỷ đồng), Công ty Cổ phần BOO nước Thủ Đức (11,455 tỷ đồng), Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia (3,3 tỷ đồng) và Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai (4,59 tỷ đồng).

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và tin tưởng rằng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư sẽ giúp Công ty có đủ nguồn tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính*Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết và đầu tư vốn vào đơn vị khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ hoặc khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Nếu bên nhận đầu tư là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Các thiết bị, vật tư, phụ tùng được dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường cho mục đích thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản cố định được ghi nhận là tài sản dài hạn.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính phục vụ cho quy trình quản lý và sản xuất nước sạch, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh nước sạch và cung cấp dịch vụ liên quan đến ngành nước sạch. Công ty hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty chỉ lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. Tiền	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	673.448.039	899.525.627
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.830.968.982	37.321.564.726
Cộng	2.504.417.021	38.221.090.353
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu khách hàng là bên liên quan		
Ông Lê Văn Nam (i)	2.700.000.000	-
Phải thu khách hàng khác		
Khách hàng sử dụng nước sạch ở địa bàn huyện Củ Chi	7.910.205.155	8.372.148.844
Các đối tượng khác	800.000.000	800.000.000
Cộng	11.410.205.155	9.172.148.844

(i) Đây là khoản phải thu theo hợp đồng số 01/2022/HĐ-SGW ngày 22 tháng 2 năm 2022 về việc chuyển nhượng 540.000 cổ phần, tương ứng 6% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

3. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (i)	101.661.134.593	89.352.600.392
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê (ii)	5.865.780.153	5.408.487.946
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	110.000.000	100.000.000
Cộng	107.636.914.746	94.861.088.338

(i) Đây là khoản hỗ trợ vốn với hạn mức 73,2 tỷ đồng, lãi suất áp dụng trong năm là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 30 tháng 12 năm 2023.

(ii) Đây là khoản hỗ trợ vốn với lãi suất áp dụng trong năm là 11%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2023.

4. Phải thu khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Giá trị các đồng hồ nước đang được kiểm định để tái sử dụng	2.292.931.782	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	20.000.000	238.400.000
Tạm ứng cho nhân viên	15.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	35.021.660	90.943.184
Cộng	2.362.953.442	329.343.184
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	5.000.000	5.000.000
Tổng cộng phải thu khác	2.367.953.442	334.343.184
<i>Trong đó, phải thu khác các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	54.000.000	40.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.484.870.567	201.431.115	(5.283.439.452)	484.338.880
Phải thu về cho vay ngắn hạn	107.526.914.746	45.494.917.003	(62.031.997.743)	60.611.006.963
Cộng	113.011.785.313	45.696.348.118	(67.315.437.195)	61.095.345.843
				(5.130.574.160)
				(34.150.081.375)
				(39.280.655.535)

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Số dư tại ngày đầu năm	(39.280.655.535)	(23.604.338.271)
Trích lập dự phòng bổ sung	(28.034.781.660)	(15.676.317.264)
Số dư tại ngày cuối năm	(67.315.437.195)	(39.280.655.535)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.846.457.980	-	5.959.680.228	-

7. Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	215.850.422	47.441.668
Chi phí bảo trì phần mềm	-	162.916.667
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.204.349	34.122.682
Cộng	218.054.771	244.481.017
b. Dài hạn		
Cước dịch vụ hoá đơn điện tử	250.067.700	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	72.846.483	18.515.871
Chi phí thi công, lắp đặt đường ống, đồng hồ nước	-	973.461.949
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	419.938.220
Cộng	322.914.183	1.411.916.040
Tổng cộng chi phí trả trước	540.968.954	1.656.397.057

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật	Phương tiện vận	Thiết bị	Cộng
	kiến trúc	tài, truyền dẫn	dụng cụ quản lý	VND
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2022	96.532.991.903	1.721.844.961.531	1.413.009.091	1.819.790.962.525
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	4.692.352.567	119.677.000	4.812.029.567
Thanh lý trong năm (i)	-	(9.236.887.281)	-	(9.236.887.281)
Tại ngày 31/12/2022	96.532.991.903	1.717.300.426.817	1.532.686.091	1.815.366.104.811
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2022	24.131.929.090	290.636.509.953	543.986.058	315.312.425.101
Khấu hao trong năm	4.826.721.624	62.420.815.285	126.217.558	67.373.754.467
Thanh lý trong năm (i)	-	(1.934.565.866)	-	(1.934.565.866)
Tại ngày 31/12/2022	28.958.650.714	351.122.759.372	670.203.616	380.751.613.702
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2022	72.401.062.813	1.431.208.451.578	869.023.033	1.504.478.537.424
Tại ngày 31/12/2022	67.574.341.189	1.366.177.667.445	862.482.475	1.434.614.491.109

Tài sản cố định hữu hình của công ty chủ yếu được hình thành từ Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch tại huyện Củ Chi. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662 tỷ đồng, trong đó ngân sách Nhà nước hỗ trợ 600.000.000.000 đồng, Dự án được thực hiện theo hai giai đoạn với tổng giá trị quyết toán là 1.784.376.225.077 đồng, trong đó nguyên giá tài sản hình thành trong giai đoạn 1 là 1.336.149.158.599 đồng và giai đoạn 2 là 448.227.066.478 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.224.167.156 đồng, (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 2.432.821.701 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.784.376.225.077 đồng, (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 1.795.975.020.258 đồng) (xem thêm tại *Thuyết minh V.17*).

(i) Trong năm, Công ty đã thanh lý các đồng hồ nước đã hết hạn kiểm định, hư hỏng và không đạt chất lượng sau khi tái kiểm định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 1.760.000.000 VND (xem thêm tại *Thuyết minh V.17*).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Dự án đầu tư phát triển, cải tạo mạng lưới cấp nước trên địa bàn huyện Củ Chi	<u>983.498.397</u>	<u>238.905.197</u>

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	238.905.197	238.905.197
Chi phí đầu tư xây dựng mạng lưới cấp nước trong năm	5.954.068.035	606.709.119
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.692.352.567)	(606.709.119)
Nhập kho vật tư thừa	(503.475.747)	-
Giảm khác	(13.646.521)	-
Số dư cuối năm	<u>983.498.397</u>	<u>238.905.197</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022		Giá trị hợp lý VND	
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần		Giá gốc VND
Đầu tư vào công ty con						
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	32.117.400	321.174.000.000	-	(i) 32.117.400	321.174.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	-	220.000.000.000	-	(i) -	220.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	9.180.000	121.176.000.000	-	(i) 9.180.000	121.176.000.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đạn Kìa	9.000.000	105.000.000.000	-	(i) 9.000.000	105.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	25.500	2.550.000.000	-	(i) 25.500	2.550.000.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	-	-	-	4.950.000	49.500.000.000	(49.500.000.000)
Cộng	50.322.900	769.900.000.000	-	55.272.900	819.400.000.000	(49.500.000.000)

(i) Giá trị hợp lý của các công ty này không được xác định để thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng giá gốc của khoản đầu tư là ước tính gần nhất (hoặc đại diện cho) giá trị hợp lý.

Vốn điều lệ đã góp vào các Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi và Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN đã được các công ty con sử dụng để góp vốn hợp tác đầu tư với công ty mẹ (xem chi tiết tại *Thuyết minh V.16*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**11. Đầu tư tài chính dài hạn** (tiếp theo)

	31/12/2022		01/01/2022					
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết								
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp (i)	10.320.000	119.659.788.611	-	(i)	10.320.000	119.659.788.611	-	777.178.560.000
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	1.960.000	19.600.000.000	(19.600.000.000)	(i)	1.960.000	19.600.000.000	(19.600.000.000)	(i)
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (ii)	4.410.000	44.100.000.000	(44.100.000.000)	(i)	-	-	-	-
Cộng	16.690.000	183.359.788.611	(63.700.000.000)		12.280.000	139.259.788.611	(19.600.000.000)	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức	409.114	143.153.395.000	-	(i)	409.114	143.153.395.000	-	(i)

(i) Giá trị hợp lý của các công ty này không được xác định để thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng giá gốc của khoản đầu tư là ước tính gần nhất (hoặc đại diện cho) giá trị hợp lý. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, 10.320.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp đang được dùng để làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu CIB2124001 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - công ty mẹ của Công ty.

(ii) Ngày 22 tháng 2 năm 2022, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng 540.000 cổ phần (tương đương 6%) vốn góp của Công ty Pleiku. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Pleiku giảm từ 55% xuống 49%, Công ty Pleiku trở thành công ty liên kết của Công ty từ ngày 22 tháng 2 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

12. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	6.629.616.582	-	6.666.431.271	-

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông	18.966.462.431	18.966.462.431	15.286.822.162	15.286.822.162
Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd.	9.885.711.891	9.885.711.891	8.694.411.891	8.694.411.891
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.136.630.836	3.136.630.836	3.136.630.836	3.136.630.836
Các nhà cung cấp khác	1.324.689.371	1.324.689.371	2.160.284.466	2.160.284.466
Cộng	33.313.494.529	33.313.494.529	29.278.149.355	29.278.149.355

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.682.969.958	-	-	9.682.969.958
b. Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	43.817.217	663.268.363	509.642.913	197.442.667
Phí bảo vệ môi trường	27.903.375	385.515.692	382.613.012	30.806.055
Thuế nhà thầu	-	128.700.000	128.700.000	-
Các loại thuế, phí khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	71.720.592	1.180.484.055	1.023.955.925	228.248.722

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.941.336.464	15.299.981.563
Các khoản trích trước khác	275.153.720	1.634.074.393
Cộng	9.216.490.184	16.934.055.956

16. Phải trả khác	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND

a. Phải trả ngắn hạn khác

Phải trả chi phí sử dụng vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	32.331.728.914	-
Khoản tạm nhận cổ tức từ công ty con	7.500.000.000	-
Phải trả chi phí sử dụng vốn cho các bên liên quan	-	5.954.511.765
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	835.289.000	835.289.000
Phải trả khác	112.497.466	6.183.666
Cộng	40.779.515.380	6.795.984.431

Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan

Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	7.500.000.000	88.951.471
Công ty CII	-	5.865.560.294
Cộng	7.500.000.000	5.954.511.765

b. Phải trả dài hạn khác

Phải trả vốn hợp tác đầu tư vào Dự án Củ Chi (i)	630.000.000.000	630.000.000.000
Phải trả vốn hợp tác đầu tư (ii)	220.000.000.000	220.000.000.000
Cộng	850.000.000.000	850.000.000.000

Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	630.000.000.000	630.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	220.000.000.000	220.000.000.000
Cộng	850.000.000.000	850.000.000.000

Tổng cộng phải trả khác	890.779.515.380	856.795.984.431
--------------------------------	------------------------	------------------------

(i) Nhận vốn hợp tác đầu tư từ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi với số tiền 630 tỷ VND để thực hiện Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi.

(ii) Nhận vốn hợp tác đầu tư từ Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN với số tiền 220 tỷ VND, theo đó Công ty sẽ tìm kiếm các công ty hoạt động trong ngành nước và các ngành liên quan đến ngành nghề kinh doanh của các bên để đầu tư dưới hình thức mua lại cổ phần, phần vốn góp nhằm mục đích tham gia quản lý điều hành tại công ty mục tiêu. Công ty sẽ phân chia lại lợi nhuận khi nhận được lợi nhuận từ công ty mục tiêu theo tỷ lệ 50:50 với Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính****a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2022		Phát sinh trong năm		01/01/2022	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Khoản vay các bên khác						
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam (i)	291.093.110.068	291.093.110.068	355.442.562.125	64.349.452.057	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	21.190.171.660	21.190.171.660	28.590.171.660	7.400.000.000	-	-
Khoản vay bên liên quan						
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	19.000.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	1.500.000.000	281.442.562.125	279.942.562.125	279.942.562.125
Công ty Cổ phần Cấp Nước Sài Gòn Đan Kía	-	-	5.895.000.000	12.884.622.486	6.989.622.486	6.989.622.486
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh b)	28.000.000.000	28.000.000.000			79.020.000.000	79.020.000.000
Cộng	359.283.281.728	359.283.281.728	410.427.733.785	366.076.636.668	365.952.184.611	365.952.184.611

(i) Ngày 1 tháng 4 năm 2022, Công ty đã kết chuyển nợ gốc và lãi vay phải trả Công ty CII sang phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam theo biên bản xác nhận công nợ ba bên với số tiền tương ứng lần lượt là 281.442.562.125 đồng và 8.035.139.507 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2022		Phát sinh trong năm		01/01/2022	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay ngân hàng						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (i)	500.217.606.012	500.217.606.012	-	79.020.000.000	579.237.606.012	579.237.606.012
Cộng	500.217.606.012	500.217.606.012	-	79.020.000.000	579.237.606.012	579.237.606.012
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(28.000.000.000)	(28.000.000.000)			(79.020.000.000)	(79.020.000.000)
Cộng	472.217.606.012	472.217.606.012			500.217.606.012	500.217.606.012

(i) Ngày 24 tháng 5 năm 2022, Công ty đã gửi Công văn đến Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và được chấp nhận để chuyển giao quản lý các tài khoản tiền gửi, tiền vay, chuyển giao toàn bộ giao dịch của Công ty với Ngân hàng từ Chi nhánh 11 sang Chi nhánh KCN Biên Hòa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay**

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Vay ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	291.093.110.068	12 tháng	23/05/2023	Lãi suất cố định 11,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	21.190.171.660	3 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Thả nổi, lãi suất trong năm là 9%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Toàn bộ tài sản và quyền tài sản của Dự án Củ Chi và 409.114 cổ phần của Công ty Cổ phần B.O.Nước Thủ Đức
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	19.000.000.000	6 tháng	02/05/2023	Lãi suất cố định 11,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (i)	342.797.939.474	126 tháng	27/01/2031	Thả nổi, lãi suất trong năm dao động từ 9,7%-10,2%/năm	Tài trợ cho Dự án Củ Chi	Toàn bộ tài sản và quyền tài sản của Dự án Củ Chi
	157.419.666.538	180 tháng	28/06/2032			
Lịch thanh toán nợ vay ngân hàng						
		31/12/2022	01/01/2022			
		<u>VND</u>	<u>VND</u>			
Trong vòng một năm	28.000.000.000	79.020.000.000				
Trong năm thứ hai	36.000.000.000	90.920.000.000				
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	168.500.000.000	277.377.939.474				
Sau năm năm	267.717.606.012	131.919.666.538				
	500.217.606.012	579.237.606.012				
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(28.000.000.000)	(79.020.000.000)				
Cộng	472.217.606.012	500.217.606.012				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu	a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	645.221.040.000	161.811.551.600	16.623.462.173	165.167.119.954	988.823.173.727
Lỗ trong năm	-	-	-	(83.170.267.075)	(83.170.267.075)
Tại ngày 01/01/2022	645.221.040.000	161.811.551.600	16.623.462.173	81.996.852.879	905.652.906.652
Lỗ trong năm	-	-	-	(110.639.248.196)	(110.639.248.196)
Tại ngày 31/12/2022	645.221.040.000	161.811.551.600	16.623.462.173	(28.642.395.317)	795.013.658.456

b. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	64.522.104	64.522.104
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	64.522.104	64.522.104
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	64.522.104	64.522.104
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	64.522.104	64.522.104
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	64.522.104	64.522.104

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2022, Công ty không chia cổ tức và trích lập quỹ năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	108.765.442.385	91.553.311.350
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.451.410.915	1.071.235.336
Cộng	110.216.853.300	92.624.546.686

2. Giá vốn hàng bán

	2022 VND	2021 VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	145.399.445.000	134.269.175.588
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	835.785.383	779.723.445
Cộng	146.235.230.383	135.048.899.033

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Cổ tức được chia	54.115.192.000	78.834.508.000
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính	2.700.000.000	-
Chiết khấu thanh toán	390.509.713	429.557.641
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.580.303	560.648.548
Lãi chậm thanh toán	-	159.988.365
Cộng	57.218.282.016	79.984.702.554

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	30.960.000.000	67.080.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	11.700.000.000	551.377.514
Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Gia Lai	-	2.754.000.000
Công ty CII	-	159.988.365
Cộng	42.660.000.000	70.545.365.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	82.145.482.673	82.903.054.480
Chi phí dự phòng tổn thất đầu tư	-	4.611.719.151
Chi phí phát hành trái phiếu	-	759.300.005
Chi phí tài chính khác	351.507.000	16.524.000
Cộng	<u>82.496.989.673</u>	<u>88.290.597.636</u>

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty CII	8.064.579.213	28.158.979.541
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	435.872.878	173.341.883
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	359.178.082	-
Cộng	<u>8.859.630.173</u>	<u>28.332.321.424</u>

5. Chi phí bán hàng

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	11.219.215.211	9.100.878.569
Chi phí khấu hao tài sản cố định	331.044.661	317.794.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	704.778.980	474.856.271
Các khoản chi phí khác	72.510.505	9.428.045
Cộng	<u>12.327.549.357</u>	<u>9.902.957.549</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.561.806.221	10.468.139.463
Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.371.203	496.848.132
Chi phí dự phòng	19.668.955.252	5.911.956.911
Chi phí dịch vụ tư vấn quản lý	1.320.000.000	1.320.000.000
Các khoản chi phí khác	4.438.387.403	3.331.898.394
Cộng	<u>37.046.520.079</u>	<u>21.528.842.900</u>

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	651.325.832	80.238.690
--------------------------------------	-------------	------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	2022 VND	2021 VND
Lỗ kế toán trước thuế	(110.639.248.196)	(83.170.267.075)
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	70.477.113.445	63.063.884.035
Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia	(54.115.192.000)	(78.834.508.000)
Lỗ tính thuế	(94.277.326.751)	(98.940.891.040)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh nước sạch; mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp nước. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày là liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh nói trên. Theo đó, không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cần phải trình bày. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số VI.1 và VI.2.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trong địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai

Công ty con

Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia

Công ty con

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi

Công ty con

Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN

Công ty con

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro

Công ty con

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku

Công ty liên kết

Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng

Công ty trong cùng tập đoàn

Ninh Thuận

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận

Công ty liên doanh của tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy

Công ty liên kết của tập đoàn

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Dịch vụ MCSC

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi

Công ty trong cùng tập đoàn

Ông Lê Văn Nam

Phó Tổng Giám đốc Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Bên liên quan** (tiếp theo)

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với bên liên quan như sau:

	2022 VND	2021 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	1.500.000.000	170.400.000.000
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	-	3.373.608.150
Chuyển trả tiền lãi hỗ trợ vốn	<u>5.895.000.000</u>	<u>20.667.391.850</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	19.000.000.000	-
Chuyển trả tiền lãi hỗ trợ vốn	<u>359.178.082</u>	<u>-</u>
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	<u>4.400.000.000</u>	<u>8.500.000.000</u>
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia		
Nhận tiền cổ tức	19.200.000.000	-
Nhận tiền hỗ trợ vốn	5.895.000.000	6.989.622.486
Trả tiền hỗ trợ vốn	1.500.000.000	5.000.000.000
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	209.446.835	88.089.042
Thu tiền hỗ trợ vốn	-	15.051.377.514
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	<u>-</u>	<u>14.500.000.000</u>
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN		
Chuyển tiền cho mượn	<u>14.000.000</u>	<u>29.000.000</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp		
Nhận tiền cổ tức	<u>30.960.000.000</u>	<u>67.080.000.000</u>
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	<u>10.000.000</u>	<u>-</u>
Ông Lê Văn Nam		
Chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính	<u>2.700.000.000</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Bên liên quan** (tiếp theo)**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm**

Họ và tên	Chức vụ	2022 VND	2021 VND
Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc	1.207.548.500	969.000.000
Ông John Walter E.Tendencia	Phó Tổng Giám đốc	660.000.000	660.000.000
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	937.388.500	741.480.000
Ông Châu Ngọc Trọng	Giám đốc Kỹ thuật (miễn nhiệm từ ngày 16/06/2022)	400.497.500	652.480.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính	875.988.500	360.403.491
Ông Alvin S. Evangelista	Giám đốc Kiểm soát Tài chính (miễn nhiệm từ ngày 20/10/2021)	-	495.000.000
Cộng		4.081.423.000	3.383.363.491

Trong năm, Công ty không chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

3. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các hợp đồng thuê không thể hủy ngang, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động như sau:

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Trong vòng một năm	725.000.000	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	360.000.000	-
Cộng	1.085.000.000	-

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 50.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 1 năm tính từ năm 2021 và phụ lục gia hạn đến ngày 31 tháng 10 năm 2023.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 928, Quốc lộ 22, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 15.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 5 năm và sẽ đến hạn ngày 1 tháng 7 năm 2025.
- Tổng số tiền thuê kho tại số 67 Nguyễn Văn Ni, tổ 10 khu phố 2, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 10.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê kho được ký với thời hạn 1 năm và được gia hạn hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 11 tháng 1 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 02/2023/SGW-NQ thông qua phương án thoái vốn tại Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.



Nguyễn Thị Thanh Bình
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

